**PHƯƠNG** **PHÁP** **DẠY** **HỌC** **TIẾNG** **VIỆ** **PHẦN** **2**

**Chương** **:**

**PHƯƠNG** **PHÁP** **DẠY** **HỌC** **TẬP** **ĐỌC** **Ở** **TIỂU** **HỌC**

**Giảng** **viê** **:** **TS.** **Chu** **Th** **Hà** **Thanh** Đơn v : Khoa Giáo dục

Điện thoạ , email: 0916542059 [chuhathanhdhv@gmail.com](mailto:chuhathanhdhv@gmail.com)

**Ngh** **An** **tháng** **4** **năm** **2020**

4.**1.** **Ý** **nghĩa,** **nhiệm** **vụ** **của** **dạy** **học** **Tập** **đọc** **ở** **tiểu** **học**

4.1.1. Đọc là một trong 4 dạng hoạt động ngôn ngữ nhằm hình thành và phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ cho HS. Đọc bao gồm quá trình *chuyển* *từ* *dạng* *thức* *chữ* *viết* *sang* *lời* *nói* *có* *âm* *thanh* *và* *thông* *hiểu* nó(tương ứng với hình thức đọc thành tiếng). Đọc còn là quá trình *chuyển* *trực* *tiếp* *từ* *hình* *thức* *chữ* *viết* *thành* *các* *đơn* *vị* *nghĩa* *không* *có* *âm* *thanh* (tương ứng với hình thức đọc thầm).

4.1.2. **Ý** **nghĩa** **của** **dạy** **học** **đọc**

Dạy học tập đọc là trao cho người học một công cụ học tập, nhận thức, khám phá của loài người và biết đọc nghĩa là giúp cho con người có khả năng chế ngự một phương tiện văn hóa.

**4.1.3.** **Nhiệm** **vụ** **của** **dạy** **học** **đọc**

a) *Hình* *thành* *và* *phát* *triển* *năng* *lực* *đọc* *cho* *HS*

b) *Thông* *qua* *dạy* *học* *tập* *đọc* *giáo* *dục* *lòng* *ham* *đọc* *sách,* *hình* *thành* *PP* *và* *thói* *quen* *làm* *việc* *với* *văn* *bản.*

c) *Dạy* *học* *đọc* *còn* *làm* *giàu* *kiến* *thức* *về* *ngôn* *ngữ,* *đời* *sống,* *văn* *hóa,* *phát* *triển* *tư* *duy* *cho* *HS.*

d) *Giáo* *dục* *tư* *tưởng,* *tình* *cảm,* *đạo* *đức,* *thẩm* *mỹ* *cho* *HS.*

Đọc đúng

Đọc thành tiếng

Đọc nhanh

Năng lực đọc

Đọc diễn cảm

Đọc thầm Đọc hiểu

**4.2.** **Cơ** **sở** **khoa** **học** **của** **dạy** **học** **Tập** **đọc** **4.2.1.** **Cơ** **sở** **Tâm-** **sinh** **lý**

- *Đọc* là một hoạt động có hai mặt quan hệ mật thiết với nhau, là việc sử dụng một bộ mă gồm hai phương diện: bộ mã ***chữ-*** ***âm*** và bộ mã ***chữ*** ***-nghĩa***.

- Đọc được xem là một *hoạt* *động* *lời* *nói*, gồm các thành tố: ***1.*** ***Tiếp*** ***nhận*** ***dạng*** ***thức*** ***chữ*** ***viết*** ***của*** ***từ,*** ***2.*** ***Chuyển*** ***dạng*** ***thức*** ***chữ*** ***viết*** ***thành*** ***âm*** ***thanh,*** ***và*** ***thông*** ***hiểu*** ***những*** ***gì*** ***đọc*** ***được***.

- Kỹ năng đọc là một kỹ năng phức tạp, gồm 3 giai đoạn: ***phân*** ***tích,*** ***tổng*** ***hợp*** *và* ***tự*** ***động*** ***hóa.***

*-* *Cơ* *chế* *đọc*: Khi đọc mắt lướt từ dòng này sang dòng khác, tạo thành những bước nhảy kế tiếp nhau, tiếp nhận từng mảng chữ gọi là ***trường*** ***nhìn***. Tuy nhiên, thỉnh thoảng mắt phải quay trở lại để nhận biết thêm những từ ngữ, những dong đã lướt qua nhưng chưa nắm được. Việc làm này tạo ra những ***bước*** ***hồi*** ***qui.***

Dạy học đọc phải hướng đến việc mở rộng trường nhìn và hạn chế bước hồi qui.

**4.2.2.** **Cơ** **sở** **Ngôn** **ngữ** **học**

Các bình diện của Ngôn ngữ học đều liên quan đến dạy học đọc. - Ngữ âm: Chính âm, chính tả, chữ viết, ngữ điệu

- Từ vựng- ngữ nghĩa: Nghĩa của từ, câu, đoạn, bài - Ngữ pháp: Dấu câu, các kiểu câu

**4.2.2.1**.***Vấn*** ***đề*** ***chính*** ***âm*** ***trong*** ***tiếng*** ***Việt*** ***và*** ***Luyện*** ***đọc*** ***đúng*** *Chính* *âm* là các chuẩn mực phát âm của một ngôn ngữ có giá trị

và hiệu lực về mặt xã hội.

*Chuẩn* *chính* *âm* là việc chuẩn hóa hình thức âm thanh của một ngôn ngữ có giá trị và hiệu lực về mặt xã hội.

Trên thực tế bức tranh ngữ âm của các phương ngữ tiếng Việt rất đa dạng và phức tạp. Có thể xem việc lấy cách phát âm của người Hà Nội, bổ sung 3 phụ âm quặt lưỡi(s, r, tr) và các vần “ưu, ươu” của người miền Trung làm cơ sở để xác định chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **LỖI**  **VÙNG** | **l/n,** **s/x,** **tr/ch,** **r/d,gi** **iu/ưu,** **iêu/ươu** | **?/./~** | **n/ng,** **t/c,** **o/u,** **i/y,** **v/z** |
| **BẮC** **BỘ** | **\_** | **+** | **+** |
| **BẮC** **TRUNG** **BỘ** | **+** | **\_** | **+** |
| **NAM** **BỘ** | **+** | **+** | **\_** |

***4.2.2.2.*** ***Vấn*** ***đề*** ***ngữ*** ***điệu*** ***tiếng*** ***Việt*** ***và*** ***Luyện*** ***đọc*** ***diễn*** ***cảm***

Theo nghĩa hẹp, ngữ điệu là sự thay đổi giọng nói, giọng đọc; là sự lên cao hay xuống thấp của giọng nói, giọng đọc.

- ***Cao*** ***độ***: Độ cao, thấp của âm thanh

- ***Cường*** ***độ***: Độ mạnh, yếu của âm thanh - ***Trường*** ***độ***: Độ dài, ngắn của âm thanh - ***Âm*** ***sắc***: Sắc thái riêng của âm thanh

Theo nghĩa rộng, ngữ điệu là sự hoà đồng về âm hưởng của bài đọc, có giá trị lớn để bộc lộ cảm xúc.

***4.2.2.3.*** ***Bình*** ***diện*** ***ngữ*** ***nghĩa*** ***của*** ***văn*** ***bản*** ***và*** ***vấn*** ***đề*** ***luyện*** ***đọc*** ***hiểu)*** *a)* *Đặc* *điểm* *ngữ* *nghĩa* *của* *VB*

VB có tính *thống* *nhất* *về* *nội* *dung* và tính *chỉnh* *thể* *về* *hình* *thức* *b)* *Các* *bình* *diện* *ngữ* *nghĩa* *của* *VB*

*-* *Các* *thành* *phần* *nội* *dung:* nội dung miêu tả và nội dung liên cá nhân *-* *Thông* *tin* *ngữ* *nghĩa:* nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

Nội dung Chủ đề a) VB Mục tiêu

Hình thức Kết cấu

b) Các thành phần nội dung

Nội dung sự vật

Nội dung liên cá nhân

Các loại thông tin ngữ nghĩa

Nghĩa tường minh

Nghĩa hàm ẩn

**4.2.3.** **Cơ** **sở** **Lý** **thuyết** **văn** **bản,** **phong** **cách** **học** **và** **văn** **học**

Một số vấn đề về phân tích, đánh giá văn bản; về hình thành các kỹ năng đọc… đều liên quan đến lý thuyết văn bản. Những đặc điểm về các kiểu ngôn ngữ, các phong cách chức năng, các loại thể văn bản… liên quan đến phong cách học. Việc HD HS tìm hiểu nội dung bài đọc về đề tài, chủ đề, kết cấu, nhân vật, nội dung –hình thức tác phẩm, các phương tiện, biện pháp tu từ nghệ thuật…liên quan đến lý luận văn học, văn học.

**BÀI TẬP:** Thống kê các loại hình văn bản được tuyển chọn trong SGK Tiếng Việt tiểu học theo từng khối lớp.

**Nhiệm** **vụ**: Đọc và tóm tắt **Chương** **trình** **dạy** **học** **Tập** **đọc**

**4.3.** **Chương** **trình** **dạy** **học** **Tập** **đọc**

**Lớp** **1.** Tập đọc được học ở phần Luyện tập tổng hợp, mỗi tuần 8 tiết, thông qua 3 loại văn bản: thơ, truyện kể và văn bản thông thường, xen kẽ qua 4 chủ điểm Nhà trường, Gia đình, Thiên nhiên, Đất nước.

**Lớp** **2:** gồm 15 đơn vị học, mỗi đơn vị học trong 2 tuần gắn với một chủ điểm, riêng chủ điểm cuối học trong 3 tuần. Mỗi tuần 4 tiết tập đọc.

-*Tuần* *1*: 1 Văn bản(VB) truyện kể(2tiết), 1 VB thơ(1tiết), 1 VB thông thường(1tiết)

-*Tuần* *2:* 1 VB truyện kể(2tiết), 1 VB miêu tả(1tiết), 1 VB truyện vui(1tiết) **Lớp** **3**: gồm 15 đơn vị học, mỗi đơn vị học trong 2 tuần gắn với một chủ

điểm, riêng chủ điểm cuối học trong 3 tuần. Mỗi tuần 3,5 tiết tập đọc.

-*Tuần* *1*: 1 VB truyện kể(1,5tiết), 1 VB thơ(1tiết), 1 VB thông thường(1tiết) -*Tuần* *2*: 1 Vb truyện kể(1,5tiết), 1 VB thơ(1tiết), 1 VB thông thường(1tiết) **Lớp** **4,5**: gồm 10 đơn vị học, mỗi đơn vị học trong 3 tuần gắn với một chủ

điểm, riêng chủ điểm cuối học trong 4 tuần. Mỗi tuần 2 tiết tập đọc, gồm các loại VB: thơ, miêu tả, truyện kể, thông thường .

**4.4.** **Tổ** **chức** **dạy** **học** **Tập** **đọc** 4.4.1. **Tổ** **chức** **dạy** **đọc** **thành** **tiếng** 4.4.1.1.*Chuẩn* *bị*

4.4.1.2. *Nguyên* *tắc* *tổ* *chức* *dạy* *luyện* *đọc* *thành* *tiếng*

- Các mục tiêu luyện tập phải rõ ràng, trực quan và lượng hóa được

- Cường độ luyện tập phải cao

- Phải lựa chọn ngữ liệu luyện tập để tiết kiệm thời gian - Phải phối hợp đồng bộ tối đa các biện pháp luyện tập

*4.4.1.3.* *Các* *hình* *thức* *luyện* *đọc* *thành* *tiếng* a) **Luyện** **đọc** **đúng**

- Đọc đúng là sự tái hiện mặt âm thanh của bài đọc một cách chính xác không có lỗi.

- Đọc đúng bao gồm: i. *Đọc* *chính* *âm*

+ Đọc đúng các phụ âm đầu: **l/n,** **tr/ch,** **s/x,** **r/d,gi,** **v/z** + Đọc đúng âm đệm: o/u

+ Đọc đúng các âm chính: **a,** **uo,** **ie,** **ê,** **u**

+ Đọc đúng các âm cuối: **n/ng,** **t/c,** **o/u,** **i/y** + Đọc đúng các thanh điệu**:** **?,** **.** **,~.**

ii*.* *Đọc* *đúng* *tiết* *tấu:* ngắt hơi, nghỉ hơi, ngữ điệu câu + Không được tách một từ ra làm đôi

+ Không được tách từ chỉ loại với danh từ đi kèm + Không được tách giới từ với danh từ đi kèm

+ Không được tách hệ từ “là” với danh từ đi kèm

- Biện pháp luyện đọc đúng(thông qua hệ thống bài tập)

+ Nhóm BT chuẩn bị cho việc luyện đọc thành tiếng

+ Nhóm BT lấy hơi cho luyện đọc thành tiếng

+ Nhóm BT luyện giọng

+ Nhóm BT luyện chính âm

+ Nhóm BT luyện đọc đúng ngữ điệu

**Luyện** **đọc** **đúng**

• Trăm cô gái tựa tiên sa

Múa chày đôi với chày ba rập rình • Mạ non bầm cấy mấy đon

Ruột gan bầm lại thương con mấy lần.

• Chú bé loắt choắt Cái xắc xinh xinh Cái chân thoăn thoắt

Cái đầu nghênh nghênh.

• Mẹ là đất nước tháng ngày của con. • Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

• Trải qua một cuộc bể dâu

Ca lô đội lệch Mồm huýt sáo vang

Như con chim chích

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng. Nhảy trên đường vàng. • Em cầm tờ lịch cũ

Ngày hôm qua đâu rồi

• Em nằm trên cánh võng Êm như tay bố nâng.

1. Trường mới xây trên nền ngôi trường lợp lá cũ.

2. Chị rướn đôi tay bị còng chụp một con bướm bay

qua.

3. Những con voi về đích trước tiên huơ vòi chào

khán giả.

**BT 1**: Hãy hướng dẫn học sinh luyện đọc đúng đoạn thơ sau: *Quả* *cầu* *giấy* *xanh* *xanh*

*Qua* *chân* *tôi* *chân* *anh* *Bay* *lên* *rồi* *lộn* *xuống*

*Dạo* *từng* *vòng* *quanh* *quanh*

*Anh* *nhìn* *cho* *tinh* *mắt* *Tôi* *đá* *thật* *dẻo* *chân* *Cho* *cầu* *bay* *trên* *sân* *Đừng* *để* *rơi* *xuống* *đất*

*(***Tiếng** **Việt** **3***,* *tập* *2-* *Tr.* *84)*

**BT 2:** Hãy hướng dẫn học sinh luyện đọc đúng đoạn thơ sau: *Con* *mẹ* *đẹp* *sao*

*Những* *hòn* *tơ* *nhỏ* *Chạy* *như* *lăn* *tròn* *Trên* *sân,* *trên* *cỏ.*

*Vườn* *trưa* *gió* *mát* *Bướm* *bay* *rập* *rờn* *Quanh* *đôi* *chân* *mẹ* *Một* *rừng* *chân* *con.*

*(***Tiếng** **Việt** **2***,* *tập* *1-* *Tr.* *135)*

*b)* *Luyện* *đọc* *nhanh*

- Đọc nhanh được đo bằng tốc độ đọc. Đọc nhanh phải để cho người nghe nghe được và hiểu được. Tốc độ đọc nhanh phải trùng với tốc độ lời nói.

- *Biện* *pháp* *luyện* *đọc* *nhanh*: GV HD HS làm chủ tốc độ đọc bằng cách GV đọc mẫu để HS đọc theo tốc độ đã qui định. Khi HS đọc có thể điều chỉnh tốc độ đọc bằng cách giữ nhịp đọc cho HS. GV đo tốc độ đọc bằng việc qui định thời gian đọc.

c) *Luyện* *đọc* *diễn* *cảm*(áp dụng cho những VB văn chương nghệ thuật hoặc có yếu tố của ngôn ngữ nghệ thuật)

- Đọc diễn cảm là làm chủ được các thông số về mặt âm thanh, là sự sử dụng ngữ điệu để biểu hiện cảm xúc của bài đọc.

Đọc diễn cảm thể hiện năng lực đọc ở trình độ cao và chỉ được thực hiện trên cơ sở đọc đúng, lưu loát và hiểu thấu đáo VB. Ở tiểu học, đọc diễn cảm chỉ giới hạn ở một số kỹ thuật như ***ngắt*** ***giọng*** ***biểu*** ***cảm,*** ***tốc*** ***độ*** ***và*** ***ngữ*** ***điệu.***

+ *Ngắt* *giọng* *biểu* *cảm*: đối lập với ngắt giọng logic. Ngắt giọng biểu

cảm là phương tiện tác động người nghe. Ngắt giọng logic thiên về trí

tuệ, ngắt giọng biểu cảm thiên về cảm xúc. Ngắt giọng biểu cảm là

những chỗ lắng, sự im lặng có tác dụng truyền cảm, góp phần tạo nên

hiệu quả nghệ thuật cao, đó là sự ngắt giọng có ý đồ nghệ thuật.

+ *Tốc* *độ*: Tốc độ đọc ảnh hưởng đến sự diễn cảm, đặc biệt là những

chỗ thay đổi tốc độ gây sự chú ý, có giá trị biểu cảm tốt.

+ *Ngữ* *điệu*: Ngữ điệu là sự hòa đồng của giọng đọc tạo nên âm hưởng

của bài đọc. Ngoài việc đọc đúng ngữ điệu còn phải đọc sao cho ngữ

điệu thể hiện cảm xúc bài đọc, thể hiện ý đồ nghệ thuật.

**Bài** **tập**: Hãy hướng dẫn HS xác định cách ngắt giọng biểu cảm các câu thơ dưới đây và phân tích hiệu quả nghệ thuật của nó khi hướng dẫn học sinh luyện đọc diễn cảm.

- *Đất* *xanh* *tre* *mãi* *xanh* *màu* *tre* *xanh.*

(Tre Việt Nam – TV5) - *Bè* *đi* *chiều* *thầm* *thì*

*Gỗ* *lượn* *đàn* *thong* *thả*

(Bè xuôi sông La – TV4) - *Mắt* *nhắm* *rồi* *lại* *mở* *ra* *ngay*

(Nói với em - TV2) - *Mảnh* *sân* *trăng* *lúa* *chất* *đầy*

(Gặt lúa đêm trăng)

- *Biện* *pháp* *luyện* *đọc* *diễn* *cảm:*

Muốn đọc diễn cảm trước hết phải hiểu nội dung VB, bởi nội dung VB qui

định giọng đọc.

+ Tập lấy hơi và tập thở

+ Luyện đọc chính âm

+ Luyện đọc diễn cảm:

1, Cho HS làm quen với VB, xác địng giọng đọc chung cho cả bài (đàm

thoại hoặc thảo luận nhóm).

2, Cho HS tập phân tích, lập dàn ý, xác định giọng đọc từng đoạn.

3, GV đọc mẫu

4, Luyện đọc tập thể và cá nhân.

**Bài** **tập:** Hãy hướng dẫn học sinh đọc diễn cảm đoạn thơ sau:

*Ê-* *mi-* *li* *con* *ôi!*

*Trời* *sắp* *tối* *rồi…*

*Cha* *không* *bế* *con* *về* *được* *nữa!*

*Khi* *đã* *sáng* *bùng* *lên* *ngọn* *lửa*

*Đêm* *nay* *mẹ* *đến* *tìm* *con*

*Con* *sẽ* *ôm* *lấy* *mẹ* *mà* *hôn*

*Cho* *cha* *nhé*

*Và* *con* *sẽ* *nói* *giùm* *với* *mẹ:*

*Cha* *đi* *vui* *xin* *mẹ* *đừng* *buồn!*

(**Tiếng** **Việt** **5**, tập 1- Tr. 51)

**4.4.2.** **Tổ** **chức** **dạy** **đọc** **thầm**

4.4.2.1.*Chuẩn* *bị*: như đọc thành tiếng

4.2.2.2. *Tổ* *chức* *quá* *trình* *đọc* *thầm*

Kỹ năng đọc thầm được chuyển dần từ ngoài vào trong, từ đọc to đến

đọc nhỏ đến đọc mấp máy môi, cuối cùng đọc hoàn toàn bằng mắt. Giai

đoạn cuối lại gồm 2 bước: di chuyển mắt theo ngón tay hoặc que trỏ rồi

đến chỉ có mắt di chuyển.

4.2.2.3. *Đọc* *hiểu*

a) - Hiệu quả của đọc thầm được đo bằng khả năng thông hiểu nội dung

VB. Do đó dạy đọc thầm chính là dạy đọc có ý thức, đọc hiểu. HS cần

hiểu nghĩa của từ, cụm từ, câu, đoạn, bài.

**b)** **Nội** **dung** **dạy** **học** **đọc** **hiểu:**

***b1)-*** ***Tìm*** ***hiểu*** ***đề*** ***tài,*** ***chủ*** ***đề*** ***của*** ***VB***:

+ Đề tài là phạm vi hiện thực được phản ánh hay đề cập tới trong VB. *Mùa* *hoa* *bưởi,* *Cái* *trống* *trường* *em,* *Tự* *thuật,* *Danh* *sách* *HS,…*

+ Cách thức xác định đề tài của VB: Dựa vào chủ đề, nội dung của VB, Dựa vào tên bài.

VD: *Tình* *quê* *hương,* *Quê* *hương,* *Cảnh* *đẹp* *quê* *hương,..* *Lũy* *tre,* *Tre,* *Tre* *Việt* *Nam,…*

*Rừng* *cọ* *quê* *tôi* *,* *Mặt* *trời* *xanh* *của* *tôi,* *Những* *chú* *gà* *xóm* *tôi,….* ***b2)-*** ***Tìm*** ***hiểu*** ***nội*** ***dung,*** ***ý*** ***nghĩa*** ***VB*** ***(từ*** ***ngữ,*** ***câu,*** ***hình*** ***ảnh,*** ***đoạn,*** ***ý*** ***chính)*** - Tìm hiểu từ mới

- Tìm hiểu từ chốt, từ chìa khóa: VD

*+* *Bác* *Hồ* *là* *người* *hoa* *tiêu* *tài* *giỏi* *nhất.*

*+* *Nhận* *được* *quà* *của* *bố* *Lan* *càng* *thêm* *náo* *nức.*

**BÀI** **TẬP:**

1) Tìm hiểu từ , câu , hình ảnh nghệ thuật trong các đoạn văn, thơ sau:

- *Đồng* *chiêm* *phả* *nắng* *lên* *không* *Cánh* *cò* *dẫn* *gió* *qua* *thung* *lúa* *vàng* *Gió* *nâng* *tiếng* *hát* *chói* *chang*

*Long* *lanh* *lưỡi* *hái* *liếm* *ngang* *lưng* *trời.* *-* *Bờ* *cây* *chen* *chúc* *lá*

*Chùm* *dẻ* *treo* *nơi* *nào* *Gió* *về* *đưa* *hương* *lạ* *Cứ* *thơm* *hoài* *xôn* *xao.*

*-* *Trời* *nắng* *chang* *chang,* *tiếng* *tu* *hú* *gần* *xa* *ran* *ran.* *Hoa* *ngô* *xơ* *xác* *như* *cỏ* *may.* *Lá* *ngô* *quắt* *lại* *rủ* *xuống.* *Những* *bắp* *ngô* *đã* *mập* *và* *chắc,* *chỉ* *còn* *chờ* *tay* *người* *đến* *bẻ* *mang* *về.*

2) Trong các VB: *Người* *đi* *săn* *và* *con* *vượn,* *Người* *mẹ,* *Nỗi* *dằn* *vặt* *của* *An* *–* *Đrây* *–* *ca,* *Người* *ăn* *xin* chi tiết, hình ảnh nào khiến người đọc xúc động ? Vì sao ?

3) Bạn thích hình ảnh so sánh nào trong bài văn *Chú* *chuồn* *chuồn* *nước* *?* Vì sao ?

*Chao* *ôi!* *Chú* *chuồn* *chuồn* *nước* *mới* *đẹp* *làm* *sao!* *Màu* *vàng* *trên* *lưng* *chú* *lấp* *lánh.* *Bốn* *cái* *cánh* *mỏng* *tang* *như* *giấy* *bóng.* *Cái* *đầu* *tròn* *và* *hai* *mắt* *long* *lanh* *như* *thủy* *tinh.* *Thân* *chú* *nhỏ* *và* *thon* *vàng* *như* *màu* *vàng* *của* *nắng* *mùa* *thu.*

C) *Biện* *pháp* *dạy* *học* *đọc* *hiểu*

Kỹ năng đọc thầm được hình thanh qua việc thực hiện một hệ thống BT dạy đọc hiểu. Xét từ góc độ nội dung, có thể đề cập đến một số kiểu dạng BT sau:

a) *Nhóm* *BT* *có* *tính* *chất* *nhận* *diện* *tái* *hiện* *ngôn* *ngữ* *VB* + BT yêu cầu xác định đề tài của bài

+ BT yêu cầu phát hiện ra các từ ngữ, chi tiết, hình ảnh của bài + BT yêu cầu phát hiện ra những câu quan trọng của bài

*b)* *Nhóm* *BT* *làm* *rõ* *nghĩa* *của* *ngôn* *ngữ* *VB*

+ BT yêu cầu giải nghĩa từ

+ BT yêu cầu làm rõ nghĩa, ý nghĩa của câu, chi tiết, hình ảnh

+ BT yêu cầu làm rõ nghĩa của đoạn

+ BT yêu cầu tìm đại ý, nội dung chính của bài, ý nghĩa tác phẩm

+ BT làm rõ cái hay của dùng từ, giá trị của các tín hiệu nghệ thuật

c) *Nhóm* *BT* *làm* *rõ* *đích* *tác* *động* *và* *hồi* *đáp* *VB*

+ BT làm rõ đích tác động của VB: yêu cầu HS rút ra những bài học bổ ích

sau khi học VB.

+ BT hồi đáp VB: yêu cầu HS bình luận, đánh giá, phát biểu ý kiến của

mình về nhân vật, hành động nhân vật.

a) *Nhóm* *BT* *có* *tính* *chất* *nhận* *diện* *tái* *hiện* *ngôn* *ngữ* *VB*

• BT yêu cầu xác định đề tài của bài

• BT yêu cầu phát hiện ra các từ ngữ, chi tiết, hình ảnh của bài

• BT yêu cầu phát hiện ra những câu quan trọng của bài

*b)* *Nhóm* *BT* *làm* *rõ* *nghĩa* *của* *ngôn* *ngữ* *VB*

• BT yêu cầu giải nghĩa từ

• BT yêu cầu làm rõ nghĩa, ý nghĩa của câu, chi tiết, h/ảnh • BT yêu cầu làm rõ nghĩa của đoạn

• BT yêu cầu tìm đại ý, nội dung chính của bài, ý nghĩa t/p • BT làm rõ cái hay của dùng từ, giá trị của các tín hiệu NT

c) *Nhóm* *BT* *làm* *rõ* *đích* *tác* *động* *và* *hồi* *đáp* *VB*

• BT làm rõ đích tác động của VB: yêu cầu HS rút ra những bài học bổ ích sau khi học VB.

• BT hồi đáp VB: yêu cầu HS bình luận, đánh giá, phát biểu ý kiến của mình về nhân vật, hành động nhân vật.

**4.5.** **Quy** **trình** **dạy** **học** **Tập** **đọc** **Bước** **1:** **Kiểm** **tra** **bài** **cũ**

- MĐ: Kiểm tra việc đọc thành tiếng và hiểu nội dung bài đọc. - Hình thức thực hiện: Đọc một đoạn/ cả bài, Trả lời câu hỏi. **Bước** **2:** **Dạy** **bài** **mới**

***1)*** ***Vào*** ***bài***

- MĐ: Kích thích HS ham thích đọc bài

- HTTH: Dùng tranh ảnh/ Giới thiệu chủ đề/ Nêu câu hỏi tìm hiểu ***2)*** ***Đọc*** ***mẫu***

- MĐ: Đưa ra mẫu đọc thành tiếng, Tạo ấn tượng cho HS về bài đọc.

- HTTH: GV/ HS khá giỏi

3***)*** ***Luyện*** ***đọc*** ***và*** ***tìm*** ***hiểu*** ***bài*** a) Đọc vòng 1:

- MĐ: Giúp HS đọc theo mẫu và hiểu ND bài đọc

- HTTH: HS đọc đồng thanh, cá nhân, trả lời câu hỏi, BT, thảo luận

b) Đọc vòng 2: Luyện đọc củng cố hoặc nâng cao - Đọc củng cố

+ MĐ: K/tra, điều chỉnh

+ HTTH: Đọc cá nhân, trả lời câu hỏi, BT - Đọc nâng cao

- MĐ: Luyện đọc sáng tạo và bộc lộ cảm xúc

- Chọn đoạn yêu thích để đọc, chỉ ra cái hay, đặc sắc của đoạn **Bước** **3:** **Củng** **cố,** **dặn** **dò**

+ MĐ: chốt lại ND giờ học

+ HTTH: GV nhận xét, lưu ý HS đọc, dặn dò công việc về nhà Tùy từng lớp để điều chỉnh tỷ lệ từng phần nội dung luyện đọc

**A)** **Quy** **trình** **lên** **lớp** **giờ** **Tập** **đọc** **lớp** **2,** **3** **I)Muc** **tiêu**

**-** ***Năng*** ***lực***

***-*** ***Phẩm*** ***chất***

**II)** **Kiểm** **tra** **bài** **cũ**

**III)** **Tiến** **trình** **dạy** **bài** **mới** ***1)*** ***Giới*** ***thiệu*** ***bài/*** ***Khởi*** ***động***

- Dùng tranh ảnh/ lời dẫn nhằm lôi cuốn sự chú ý của HS - GV ghi tựa đề lên bảng

***2)*** ***Khám*** ***phá***

***Hoạt*** ***động*** ***1:*** ***Luyện*** ***đọc*** a) GV đọc mẫu toàn bài

b) GV HD HS luyện đọc – kết hợp giải nghĩa từ khó - Luyện đọc câu

+ HS luyện đọc nối tiếp câu lần 1: Lưu ý những từ khó đọc, Ghi từ khó lên bảng, Luyện đọc từ khó (đồng thanh/ cá nhân).

+ HS luyện đọc nối tiếp câu lần 2:

- Luyện đọc đoạn – Kết hợp giải nghĩa từ mới + Yêu cầu HS chia đoạn (nhận biết đoạn)

+ HS luyện đọc đoạn lần 1, giải nghĩa từ (đọc nối tiếp)

+ HD HS đọc câu khó: thể hiện giọng đọc, cách ngắt nghỉ + HS luyện đọc đoạn lần 2: HS đọc nối tiếp đoạn

- Luyện đọc nhóm: (GV chia nhóm tương ứng với đoạn)

+ HS luyện đọc từng đoạn trong nhóm: phát hiện đọc sai, sửa chữa

+ GV nhận xét, nhắc cho từng nhóm - Thi đọc giữa các nhóm

+ Gọi đại diện nhóm thể hiện

+ Bình chọn nhóm đọc hay, tuyên dương + 1 HS đọc lại toàn bài

***Hoạt*** ***động*** ***2:*** ***Tìm*** ***hiểu*** ***bài:***

- Cả lớp đọc thầm bài tập đọc

- Trả lời hệ thống câu hỏi của GV

- Kết hợp giảng giải nội dung bài tập đọc

- Đặt câu hỏi yêu cầu HS rút ra nội dung bài đọc - Cho HS nhắc lại ND bài đọc

***Hoạt*** ***động*** ***3:*** ***Luyện*** ***đọc*** ***lại***

- GV đọc mẫu lần 2: Lưu ý giọng điệu đoạn văn, bài thơ - HS luyện đọc các nhân/ Từng nhóm thi đọc hay

- Nếu có y/c học thuộc lòng, GV ghi bảng phụ cho HS đọc trên lớp. **3*)*** ***Mở*** ***rộng,*** ***vận*** ***dụng,*** ***liên*** ***hệ***

**IV**. ***Củng*** ***cố*** ***dặn*** ***dò***

- HS nhắc lại ND bài đọc

- Y/c HS về nhà đọc lại bài - GV nhận xét giờ học

- Dặn dò BT về nhà

**B)** **Quy** **trình** **lên** **lớp** **giờ** **tập** **đọc** **lớp** **4,** **5** **I)Muc** **tiêu**

**-** **Năng** **lực**

**-** **Phẩm** **chất**

**II)** **Kiểm** **tra** **bài** **cũ**

**III)** **Hoạt** **động** **dạy** **học** **bài** **mới** ***1)*** ***Giới*** ***thiệu*** ***bài/*** ***khởi*** ***động*** ***2)*** ***Khám*** ***phá***

***HĐ1:*** ***Đọc*** ***mẫu***

- GV HD cách đọc toàn bài

- GV/ HS khá đọc mẫu toàn bài ***HĐ2:*** ***Luyện*** ***đọc***

- Luyện đọc đoạn

- Chia bài thành các đoạn

- HS đọc nối tiếp theo đoạn lần 1 – kết hợp luyện đọc từ khó trong mỗi đoạn.

- Luyện đọc câu dài:

+ GV HD cách ngắt , nghỉ, nhấn giọng + HS luyện đọc

- Luyện đọc đoạn lần 2 – kết hợp giải nghĩa từ mới (đọc nối tiếp)

- Luyện đọc đoạn lần 3: Đọc nối tiếp trong nhóm (chia nhóm theo đoạn) ***HĐ3:*** ***Tìm*** ***hiểu*** ***bài***

- 1 HS đọc toàn bài

- HS tìm hiểu bài theo đoạn + GV nêu câu hỏi, HS trả lời

+ HS nêu nội dung của đoạn, Rút ý của đoạn

\* Đối với bài đọc có nhiều đoạn, GV có thể thay đổi hình thức đọc để tìm hiểu bài như sau:

Đoạn 1: 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm Đoạn 2: Cả lớp đọc thầm

Đoạn 3: HS đọc lướt ……

Thực hiện tìm hiểu bài theo đoạn

- Nêu nội dung bài đọc, GV ghi bảng

***HĐ4:*** ***Luyện*** ***đọc*** ***diễn*** ***cảm*** - 1 HS đọc toàn bài

- HS nêu cách đọc từng đoạn

- GV HD HS đọc 1 đoạn trong bài (đoạn điển hình), nêu cách ngắt,nghỉ , nhấn giọng…, HS thể hiện, GV sửa lỗi, nhận xét.

- HS luyện đọc diễn cảm - Thi đọc diễn cảm

\* Nếu có y/c đọc thuộc lòng, GV cho HS đọc thuộc tại lớp **3)** **Mở** **rộng,** **vận** **dụng,** **liên** **hệ**

**IV)** **Củng** **cố,** **dặn** **dò**

- HS nhắc lại ND bài đọc - Dặn dò luyện đọc ở nhà - Nhận xét tiết học